



CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH  
ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2022  
Ngày 22 tháng 06 năm 2022

\*\*\*\*\*

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

### A. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2021

#### ❖ Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

##### a. Tình hình chung

- Năm 2021 vẫn còn ảnh hưởng bởi đại dịch CoVid-19 nên Công ty phải xoay chuyển kế hoạch sản xuất kinh doanh.
- Ngành nhựa tuy doanh số ổn định nhưng lợi nhuận biến động do giá nguyên liệu tăng cao.
- Ngành truyền thống của công ty đã từng bước khôi phục doanh thu nhưng vẫn chưa khởi sắc như mong muốn.
- Ngành kinh doanh dịch vụ tuy doanh thu có tăng so với năm 2020 nhưng vẫn còn bị ảnh hưởng bởi đại dịch.

##### b. Kết quả sxkd

*ĐVT: đồng*

STT	CHỈ TIÊU	2020	2021	TH 2021/2020
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	192.518.425.441	224.346.045.177	116,53%
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	96.873.820	1.381.669.227	1.426,26%
3	Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	192.421.551.621	222.964.375.950	115,87%
4	Giá vốn hàng bán	165.876.816.600	184.206.551.660	111,05%
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	26.544.735.021	38.757.824.290	146,01%
6	Doanh thu hoạt động tài chính	4.923.847.719	3.087.613.001	62,71%
7	Chi phí tài chính	1.079.907.362	2.151.747.620	199,25%
8	Chi phí bán hàng	9.714.854.083	11.820.929.605	121,68%
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	16.845.306.861	20.751.335.506	123,19%
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	5.015.084.737	7.463.400.854	148,82%
11	Thu nhập khác	2.168.720.115	98.762.211	4,55%
12	Chi phí khác	1.897.890.304	1.559.779.304	82,18%
13	Lợi nhuận khác	270.829.811	(1.461.016.928)	-539,46%
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	5.285.914.548	6.002.383.926	113,55%
15	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.197.138.004	741.390.428	61,93%
16	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	4.088.776.544	5.260.993.498	128,61%

17	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	713	917	128,61%
----	--------------------------	-----	-----	---------

c. Phân tích tình hình tài sản và cơ cấu kinh doanh năm 2021

Đvt: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	% tăng giảm
<b>Tổng tài sản</b>	<b>292.495.618.245</b>	<b>276.575.206.242</b>	<b>-5,44%</b>
Tài sản ngắn hạn	157.886.368.891	155.703.611.540	-1,38%
Tài sản dài hạn	134.609.249.354	120.871.594.702	-10,21%
Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	53,98%	56,30%	4,30%
Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	46,02%	43,70%	-5,04%
<b>Tổng nợ</b>	<b>78.760.246.362</b>	<b>61.594.537.161</b>	<b>-21,79%</b>
Nợ ngắn hạn	73.442.233.326	58.763.766.380	-19,99%
Nợ dài hạn	5.318.013.036	2.830.770.781	-46,77%
Nợ phải trả / Tổng nguồn vốn	26,93%	22,27%	-17,30%
<b>Tổng nguồn vốn</b>	<b>292.495.618.245</b>	<b>276.575.206.242</b>	<b>-5,44%</b>
Vốn chủ sở hữu	213.735.371.883	214.980.669.081	0,58%
Vốn chủ sở hữu / tổng nguồn vốn	73,07%	77,73%	6,38%
<b>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	2,12%	2,36%	11,32%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	1,91%	2,45%	28,27%
Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	1,4%	1,9%	35,71%
Hệ số Lợi nhuận từ hđ kinh doanh/Doanh thu thuần	1,99%	3,19%	60,30%

Đvt: triệu đồng

NGÀNH	2019		2020		2021	
	Doanh thu	LN gộp	Doanh thu	LN gộp	Doanh thu	LN gộp
In	3.358	301	2.077	-205	0.165	
Bao bì Nhựa	129.964	11.500	150.122	23.997	147.107	15.723
Khăn giấy, thương mại	7250	1.255	3.251	125	33.604	12.491
Giải trí, truyền thông và các dịch vụ khác	60.980	19.252	36.972	2.628	42.253	10.544
<b>Cộng</b>	<b>201.552</b>	<b>32.308</b>	<b>192.422</b>	<b>26.545</b>	<b>222.964</b>	<b>38.758</b>

NGÀNH	TỶ TRỌNG 2019		TỶ TRỌNG 2020		TỶ TRỌNG 2021	
	Doanh thu	LN gộp	Doanh thu	LN	Doanh thu	LN
In	1,67%	0,93%	1,08%	-0,77%	0,00%	0,00%
Bao bì Nhựa	64,48%	35,59%	78,02%	90,40%	65,98%	40,57%

Khăn giấy, thương mại	3,60%	3,88%	1,69%	0,47%	15,07%	32,23%
Giải trí, truyền thông và các dịch vụ khác	30,25%	59,59%	19,21%	9,90%	18,95%	27,20%
<b>Cộng</b>	<b>100%</b>	<b>100%</b>	<b>100%</b>	<b>100%</b>	<b>100%</b>	<b>100%</b>

- Năm 2021, doanh thu sản xuất ngành in của công ty giảm do ảnh hưởng dịch bệnh CoVid-19.
- Doanh thu ngành nhựa bình ổn nhờ việc duy trì sản xuất “3 tại chỗ” trong mùa dịch bệnh CoVid-19.
- Ngành sản xuất khăn giấy, thương mại doanh thu tăng do mở rộng mặt hàng kinh doanh.
- Ngành truyền thông, giải trí và các dịch vụ khác tăng do đa dạng hóa ngành nghề.

#### **d. Chiến lược kinh doanh**

- Trong năm 2021, Công ty đã có một số thay đổi trong chiến lược kinh doanh, sản phẩm và dịch vụ như sau:
- Tăng cường phát triển khách hàng mới và tiếp tục đưa các sản phẩm mới vào các hệ thống siêu thị. Mở rộng chào hàng các loại túi thương mại phân phối đến các hệ thống Mega, BHX... Đẩy mạnh doanh số thương mại các mặt hàng sản phẩm cung cấp màng co, gang tay y tế, băng keo, dây ràng... Đối với mảng truyền thông, công ty với chiến lược cung ứng các mặt hàng công nghệ cao đi trước thị trường và kết hợp với nội dung sáng tạo, tương thích đã tăng được số lượng khách hàng mới với doanh thu tốt.

#### **e. Sản phẩm mới**

- Ngành nhựa :
  - Tự sản xuất 2 máy cắt cuộn túi thực phẩm (2 dây, 2 tầng), 1 máy thổi LDPE và cải tiến máy cắt túi rác cuộn quai tầng. Đưa vào nhà máy thêm 1 máy cắt cơ 2 dây và 1 máy cắt nhiệt 2 dây. Việc lắp ráp và chuyển giao máy cho các tổ sản xuất nhằm tăng năng suất và thể hiện được tính sáng tạo trong việc sản xuất máy đồng thời giảm chi phí đầu tư máy nếu mua của các đơn vị khác.
  - Trong năm 2021 đã thành công trong việc ó tái sinh phế liệu tinh bột. Phát triển thêm loại hàng mới: các cuộn túi rác có quai ba màu và màu đen để kinh doanh chào hàng vào các khách hàng lớn.

14  
NG  
PH  
HL  
81  
HO

- Ngành truyền thông :

- Tập trung nghiên cứu các sản phẩm mới như Multi- layers Hologram, máy bán hàng tự động , phát triển kinh doanh lập trình thiết kế ra nước ngoài.
- Sản xuất và lắp đặt hệ thống trình chiếu màn hình nước tại Công viên Văn hóa Đầm Sen.
- Đầu tư phát triển dây chuyền sản xuất GEL diệt khuẩn đưa ra thị trường vào quý III/2022.

**f. Nguồn cung cấp**

- Ngành khăn giấy tiếp tục nhập thêm các loại giấy mới để đa dạng sản phẩm.
- Nhập thêm hạt phụ gia ngành nhựa và hạt tái sinh nhằm giảm giá thành sản phẩm, giảm tỷ lệ phế liệu.

❖ **Tình hình đầu tư vào công ty con và công ty liên kết**

Đvt: đồng

Năm 2021	Giá trị ALTA đầu tư đến 31/12/2021
<b>Công ty con</b>	
Công ty TNHH Một thành viên Ứng dụng Công nghệ và Dịch vụ Truyền Thông Âu Lạc	20.000.000.000
Công ty TNHH Một thành viên Ứng dụng Công nghệ Kỹ thuật Nhựa Âu Lạc	20.000.000.000
Công ty Phát triển Phần mềm Âu Lạc	2.500.000.000
<b>Công ty liên kết</b>	
Công ty Cổ phần In Thương mại Quảng cáo Âu Lạc	20.262.651.221

❖ **Chỉ tiêu phân tích tài chính**

Chỉ tiêu	ĐVT	2020	2021	So sánh
Tổng Tài sản		292.495.618.245	276.575.206.242	94,56%
Doanh thu thuần	VNĐ	192.421.551.621	222.964.375.950	115,87%
Lợi nhuận gộp	“	26.544.735.021	38.757.824.290	146,01%
Lợi nhuận từ Hoạt động SXKD ( bao gồm lãi / lỗ liên doanh liên kết)	“	5.015.084.737	7.463.400.854	148,82%

Lợi nhuận khác	“	270.829.811	(1.461.016.928)	-	539,46%
Lợi nhuận trước thuế	“	5.285.914.548	6.002.383.926		113,55%
Lợi nhuận sau thuế	“	4.088.776.544	5.260.993.498		128,67%
EPS	“	713	917		128,61%
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán					
Khả năng thanh toán ngắn hạn	Lần	2,14	2,65		123,58%
Khả năng thanh toán nhanh	Lần	1,76	2,23		126,93%
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn					
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	26,93	22,27		82,70%
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	36,85	28,65		77,75%
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động					
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	5,62	7,15		127,22%
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Vòng	0,66	0,81		122,72%
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời					
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	2,12	2,36		111,32%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	1,91	2,45		128,27%
Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	1,40	1,90		135,71%
Hệ số Lợi nhuận từ hế kinh doanh/Doanh thu thuần	%	1,99	3,19		160,30%

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

Công ty không sử dụng nợ dài hạn để tài trợ cho các hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như đầu tư của mình. Chính vì vậy mà các chỉ tiêu về khả năng thanh toán của Công ty đều rất tốt. Đa phần các khoản nợ phải trả phát sinh do quá trình sản xuất kinh doanh thông thường như người mua trả tiền trước hay các khoản còn phải trả cho người lao động.

Hệ số khả năng thanh toán ngắn hạn tăng từ 2.14 lên 2.65 lần do trong năm công ty thu hồi công nợ tốt, khả năng thanh toán nhanh của công ty do lý do trên nên cũng tăng từ 1,76 lên 2,23 trong năm nay.

Qua bảng số liệu trên có thể thấy Công ty đang có tình hình tài chính ổn định và lành mạnh, đồng thời cần tập trung đẩy mạnh khâu kinh doanh, quản lý chặt chẽ chi phí, từ đó nâng cao khả năng sinh lời của Công ty hơn nữa.

#### ❖ Tình hình nhân sự

Tính đến 31/12/2021, Công ty có 330 lao động, tăng 6,45% so với năm trước.

STT	Tính chất phân loại	Số lượng 2020	Tỷ lệ 2020	Số lượng 2021	Tỷ lệ 2021
<b>I</b>	<b>Theo trình độ</b>	<b>310</b>	<b>100%</b>	<b>330</b>	<b>106,45%</b>
1	Đại học	65	20,97%	53	16,06%
2	Cao đẳng	66	21,29%	58	17,58%
3	Trung cấp	20	6,45%	18	5,45%
4	Phổ thông trung học trở xuống	159	51,29%	201	60,91%
<b>II</b>	<b>Theo tính chất hợp đồng lao động</b>	<b>310</b>	<b>100%</b>	<b>330</b>	<b>100%</b>
1	Hợp đồng có xác định thời hạn	173	55,80%	235	71,21%
2	Hợp đồng không xác định thời hạn	137	44,20%	95	28,79%
3	Hợp đồng theo thời vụ (công nhật)	0	0%	0	0%

Chính sách đãi ngộ người lao động của Công ty gắn liền kết quả làm việc với lương thưởng. Năm qua công ty tiếp tục sử dụng công cụ KPI để đánh giá công việc. Ban lãnh đạo và các bộ phận nhân sự, tài chính kế toán đã cùng phối hợp để đảm bảo thanh toán lương cho CBCNV đúng thời hạn. Lương bình quân của Công ty năm 2021 là 9.290.000đ tăng 12,47% so với năm trước do sản lượng, doanh số tăng.

ALTA đảm bảo việc thực hiện các quy định của Bộ Luật lao động về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, thực hiện chế thai sản, nghỉ lễ tết, thời gian nghỉ ngơi... và các văn bản pháp luật liên quan để CBCNV có thể yên tâm làm việc. Ngoài ra công ty còn thực hiện kiểm tra sức khỏe định kỳ cho nhân viên, tổ chức tham quan nghỉ mát để tạo sự gắn kết giữa các thành viên trong tập thể ALTA.

Ban lãnh đạo Công ty đặc biệt quan tâm đến vấn đề an toàn lao động. Toàn bộ CBCNV của ALTA đều phải tham gia tập huấn phòng chống cháy nổ, thoát hiểm, sơ cấp cứu. Đối với khối sản xuất, công nhân và nhân viên phải mặc trang phục bảo hộ lao động, đảm bảo

quy trình làm việc và tuân thủ sự giám sát của các cấp quản lý để giảm thiểu tối đa rủi ro xảy ra trong quá trình lao động. Trong năm 2021 không có trường hợp tai nạn lao động xảy ra tại công ty do BCH Công đoàn phối hợp với BLĐ thực hiện tốt các biện pháp nhắc nhở, kiểm tra an toàn vệ sinh lao động thường xuyên.

Với một công ty có thời gian hoạt động lâu dài và định hướng phát triển dài hạn như ALTA, việc thiết lập văn hóa doanh nghiệp và môi trường làm việc chuyên nghiệp, hiện đại là hết sức cần thiết. Vì vậy mà những năm qua, Công ty đã rà soát lại chế độ đãi ngộ nhân viên, tạo dựng các giá trị văn hóa trong Công ty, có chính sách đãi ngộ thỏa đáng không ngoài mục tiêu xây dựng ngôi nhà ALTA thân thiện, chuyên nghiệp và vững vàng. Bên cạnh đó, BCH Cơ sở Công đoàn ALTA luôn cùng với BĐH quan tâm đến đời sống tinh thần cũng như chăm lo cuộc sống của người lao động nên liên tục nhiều năm liền đạt thành tích CĐCS Vững mạnh Xuất sắc và được Cờ thi đua Hoàn thành Xuất sắc Nhiệm vụ liên tục 4 năm liền (từ năm 2018 đến năm 2021) do Liên đoàn Lao động Thành phố Hồ Chí Minh trao tặng.

## B. ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH

### 1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021

Năm 2021 vẫn còn ảnh hưởng bởi đại dịch CoVid-19 nên Công ty phải xoay chuyển kế hoạch sản xuất kinh doanh.

Ngành nhựa tuy doanh số ổn định nhưng lợi nhuận biến động do giá nguyên liệu tăng cao.

Ngành truyền thống của công ty đã từng bước khôi phục doanh thu nhưng vẫn chưa khởi sắc như mong muốn.

Ngành kinh doanh dịch vụ tuy doanh thu có tăng so với năm 2020 nhưng vẫn còn bị ảnh hưởng bởi đại dịch.

### Phân tích tình hình tài chính năm 2021

Đvt: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	% tăng giảm
<b>Tổng tài sản</b>	<b>292.495.618.245</b>	<b>276.575.206.242</b>	<b>-5,44%</b>
Tài sản ngắn hạn	157.886.368.891	155.703.611.540	-1,38%
Tài sản dài hạn	134.609.249.354	120.871.594.702	-10,21%
Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	53,98%	56,30%	4,30%
Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	46,02%	43,70%	-5,04%
<b>Tổng nợ</b>	<b>78.760.246.362</b>	<b>61.594.537.161</b>	<b>-21,79%</b>

Nợ ngắn hạn	73.442.233.326	58.763.766.380	-19,99%
Nợ dài hạn	5.318.013.036	2.830.770.781	-46,77%
Nợ phải trả / Tổng nguồn vốn	26,93%	22,27%	-17,30%
<b>Tổng nguồn vốn</b>	<b>292.495.618.245</b>	<b>276.575.206.242</b>	<b>-5,44%</b>
Vốn chủ sở hữu	213.735.371.883	214.980.669.081	0,58%
Vốn chủ sở hữu / tổng nguồn vốn	73,07%	77,73%	6,38%
<b>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	2,12%	2,36%	11,32%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	1,91%	2,45%	28,27%
Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	1,4%	1,9%	35,71%
Hệ số Lợi nhuận từ hđ kinh doanh/Doanh thu thuần	1,99%	3,19%	60,30%

#### a. Phân tích tài sản

Tỷ suất đầu tư ngắn hạn năm 2021 tăng từ 53,98% lên 56,30%, tỷ suất đầu tư tài sản dài hạn năm 2021 giảm từ 46,02 % xuống 43,70%. Những thay đổi này không đáng kể.

Tỷ suất tự tài trợ tài sản cố định là 2,45 lần. Đây là chỉ tiêu nói lên sự ổn định về tài chính của Công ty.

#### b. Phân tích nguồn vốn

Nợ ngắn hạn giảm từ 73 tỷ xuống 59 tỷ à đòn cân nợ giảm từ 0,36 xuống 0,29.

Vốn chủ sở hữu tăng 0,58% (do tăng lợi nhuận trong năm).

#### c. Phân tích tình hình công nợ

Khoản phải thu ngắn hạn từ bán hàng giảm, khoản phải trả ngắn hạn giảm.

Vòng quay các khoản phải thu là 3,9 vòng, số ngày trung bình để thu được khoản phải thu là 91 ngày là do công ty có chính sách trả chậm với 1 số tập đoàn bán lẻ lớn. Điều này cũng nói lên tình hình cạnh tranh mạnh mẽ trên thương trường.

#### d. Phân tích khả năng thanh toán

Tỷ lệ thanh toán hiện hành ở mức 2,65 lần - đây là một tỷ lệ tốt về tài chính.

Tỷ lệ thanh toán nhanh tăng từ 1.76 lên 2,23 lần – mức tăng này thể hiện tình hình tài chính của công ty rất lành mạnh.

### 3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.

#### a. Chính sách quản trị - điều hành :

Điều hành có kế hoạch cụ thể.

Nâng tầm ảnh hưởng của người lao động để có chính sách cụ thể.

Áp dụng công nghệ trong công tác điều hành.

120  
77  
TÂN  
ĐA  
N  
CV



Sẵn sàng truyền đạt để chuyển giao.

**b. Chiến lược phát triển sản phẩm.**

Mạnh dạn sản xuất sản phẩm mới.

Chấp nhận rủi ro để loại bỏ sản phẩm thoái trào.

Sử dụng công dụng và chất lượng làm thước đo giá trị sản phẩm.

**c. Chiến lược tiếp thị khách hàng**

Tiếp thị trên nhiều phương tiện, nhiều thời điểm và nhiều công thức.

Hiểu suy nghĩ và hiểu khó khăn của khách hàng để linh hoạt giải quyết.

Xem trọng công tác hậu mãi để giữ khách hàng.

**Trên đây là một số phân tích và đánh giá của BGĐĐH công ty sau khi nhìn lại hoạt động điều hành năm 2021 của mình một cách nghiêm túc, khách quan và trung thực.**

**TM. BAN ĐIỀU HÀNH**



**HOÀNG MINH ANH TÚ**  
Tổng Giám Đốc